SỞ TƯ PHÁP THANH HOÁ
TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 767 /TB-TTDVĐG

Thanh Hoá, ngày 12 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

Quyền sử dụng đất gồm 09 lô đất tại Mặt bằng khu dân cư mới thị trấn Thường Xuân (Đường đi cầu Tổ Rồng) tỉnh Thanh Hóa.

Tên, địa chỉ của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản: Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa.

Địa chỉ: Tầng 2, Trụ sở Hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Thanh Hóa, đường Lý Nam Đế, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá: UBND xã Thường Xuân.

Địa chỉ: Thôn 2 xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá.

Tài sản đấu giá:

Quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Gồm 09 lô đất Mặt bằng khu dân cư mới thị trấn Thường Xuân (Đường đi cầu Tổ Rồng);

Có phụ lục kèm theo.

- Tổng diện tích đất đưa ra đấu giá (09 lô): 1.085.5 m^2
- Mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn.
- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.
- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

* Nơi có tài sản đấu giá: khu dân cư mới thị trấn Thường Xuân (Đường đi cầu Tổ Rồng);

* Giấy tờ về tài sản đấu giá: Căn cứ Quyết định số 1657/QĐ-UBND ngày 01/10/2026 của UBND xã Thường Xuân về việc đấu giá quyền sử dụng đất 09 lô đất Mặt bằng khu dân cư mới thị trấn Thường Xuân (Đường đi cầu Tổ Rồng);

2. Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá:

- Thời gian xem tài sản đấu giá: Trong giờ hành chính từ ngày 13/10/2026 đến ngày 15/10/2026.

- Địa điểm xem tài sản đấu giá: Nơi có tài sản đấu giá.

3. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá: Trong giờ hành chính tại:

- Ủy ban nhân dân xã Thường Xuân: từ ngày 13/10/2026 đến 16 giờ 30 phút ngày 26/10/2026.

- Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa: từ ngày 13/10/2026 đến 16 giờ 30 phút ngày 27/10/2026.

4. Giá khởi điểm, tiền mua hồ sơ và tiền đặt trước:

- Giá khởi điểm: Từ 1.359.600.000đồng/lô đến 1.570.338.000 đồng/lô

- Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá: 200.000 đồng /1 hồ sơ tham gia đấu giá. Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá được thu khi khách hàng nhận hồ sơ tham gia đấu giá và không trả lại cho khách hàng.

- Tiền đặt trước: Từ 679.800.000đồng/lô đến 785.169.000 đồng/lô. *(Chi tiết Giá khởi điểm, tiền hồ sơ, tiền đặt trước có Phụ lục chi tiết kèm theo)*

- Thời gian nộp tiền đặt trước: Từ 07 giờ 30 phút ngày 13/10/2026 đến 18 giờ 00 phút ngày 27/10/2026.

- Khách hàng tham gia đấu giá nộp tiền đặt trước vào tài khoản của Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa số: **68689** mở tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thanh Hóa **(Vietbank).**



- Người tham gia đấu giá ghi rõ phần nội dung chuyển tiền: ***("Họ tên và Số CCCD của người đăng ký tham gia đấu giá" nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá quyền sử dụng đất MBQH xã Thường Xuân).***

5. Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

* Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá: theo như mục 3 của Thông báo này *(Thời gian, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá)*

* Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

- Mua hồ sơ mời tham gia đấu giá, nộp hồ sơ tham gia đấu giá và nộp tiền đặt trước cho Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa theo đúng thời gian và địa điểm;

- Có Phiếu đăng ký tham gia đấu giá tài sản theo mẫu của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa và bản sao Căn cước công dân của vợ/chồng kèm theo;

- Khi tham gia phiên đấu giá phải có Căn cước công dân bản chính. Nếu ủy quyền thì phải có văn bản Ủy quyền theo quy định của pháp luật;

- Tự ghi đầy đủ các thông tin trong Phiếu trả giá (mẫu Phiếu trả giá do Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa phát hành).

6. Thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá:

Bắt đầu 08 giờ 30 phút ngày 30/10/2026 Tại Trung tâm Hội nghị xã Thường Xuân. (Thôn 2, xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa).

7. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá.

- Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp 01 vòng tại phiên đấu giá.

- Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên.

8. Bước giá, phiếu trả giá hợp lệ, phiếu trả giá không hợp lệ.

- *Bước giá:* **1%,** là mức chênh lệch tối thiểu giữa lần trả giá sau so với lần trả giá trước liền kề.

- *Phiếu trả giá hợp lệ:*

+ Trong phiếu trả giá, người tham gia đấu giá ghi cả số tiền bằng số và số tiền bằng chữ; trường hợp số tiền bằng số và số tiền bằng chữ không thống nhất thì căn cứ số tiền bằng chữ để xác định giá trả; trường hợp số tiền bằng số không rõ ràng, không có nghĩa thì căn cứ số tiền bằng chữ và ngược lại.

+ Phiếu trả giá không thuộc trường hợp phiếu trả giá không hợp lệ.

- *Phiếu trả giá không hợp lệ:*

+ Phiếu trả giá không theo mẫu của Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa phát hành và không đóng dấu treo.

+ Không trả giá, trả giá thấp hơn giá khởi điểm ở vòng 1 hoặc thấp hơn giá khởi điểm của các vòng đấu tiếp theo cộng với bước giá.

+ Không ghi số lô hoặc không ghi rõ số lô đất.

+ Phiếu không còn nguyên vẹn, nhàu nát.

+ Sữa chữa, tẩy xoá tại các nội dung về phần họ tên người tham gia đấu giá, lô đất đăng ký tham gia và số tiền trả giá bằng số, bằng chữ;

+ Không ký và không ghi rõ họ tên của người tham gia đấu giá *(*vào phần *"ký, ghi rõ họ tên").*

+ Số tiền ghi bằng số và bằng chữ không rõ ràng, không có nghĩa hoặc không ghi số tiền bằng số hoặc không ghi số tiền bằng chữ.

+ Phiếu nộp sau khi kết thúc thời gian thu phiếu trả giá.

Mọi chi tiết xin liên hệ: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hoá - Tầng 2, Trụ sở Hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Thanh Hóa, đường Lý Nam Đế, phường Đông Hương, TP.Thanh Hoá, ĐT: 0237 3859453./.

Nơi nhận:
- Lưu: VT, HS.

GIÁM ĐỐC

SỞ TƯ PHÁP TỈNH THANH HÓA
TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN THANH HÓA

Mai Văn Đông

Phụ Lục

09 lô đất ở tại khu dân cư mới thị trấn Thường Xuân (Đường đi Tổ Rồng)						
STT	**Ký hiệu lô đất**	**Diện tích (m^2)**	**Giá đất (đồng/m^2)**	**Giá khởi điểm đồng/lô**	**Tiền đặt trước**	**Phí hồ sơ**
1	CL2:01	115.5	13,596,000	1,570,338,000	785,169,000	200,000
2	CL2:02	120	11,330,000	1,359,600,000	679,800,000	200,000
3	CL2:03	120	11,330,000	1,359,600,000	679,800,000	200,000
4	CL2:04	120	11,330,000	1,359,600,000	679,800,000	200,000
5	CL2:05	120	11,330,000	1,359,600,000	679,800,000	200,000
6	CL2:06	120	11,330,000	1,359,600,000	679,800,000	200,000
7	CL2:07	120	11,330,000	1,359,600,000	679,800,000	200,000
8	CL2:08	120	11,330,000	1,359,600,000	679,800,000	200,000
9	CL2:09	130	11,330,000	1,472,900,000	736,450,000	200,000
Tổng		**1,085.5**		**12,560,438,000**	**6,280,219,000**	